

UBND TỈNH TIỀN GIANG
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *112* /SKH&ĐT-THQH
V/v triển khai Thông tư số
21/2023/TT-BKHĐT của Bộ Kế
hoạch và Đầu tư

Tiền Giang, ngày *17* tháng 01 năm 2024

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố Mỹ Tho.

Ngày 31/12/2024 Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 21/2023/TT-BKHĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về định mức cho hoạt động quy hoạch.

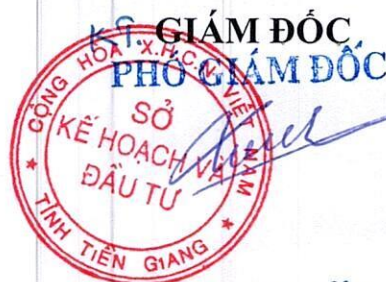
Thực hiện Công văn số 281/UBND-TH ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Thông tư số 21/2023/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong đó giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Thông tư số 21/2023/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi đến các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố Mỹ Tho Thông tư số 21/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổ chức triển khai thực hiện đúng quy định. *ĐƯA*

(Đính kèm: Thông tư số 21/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Công văn số 281/UBND-TH ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, THQH.



Nguyễn Xuân Lương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 281 /UBND-TH

Tiền Giang, ngày 15 tháng 01 năm 2024

V/v thực hiện Thông tư số
21/2023/TT-BKHĐT của
Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Thông tư số 21/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về định mức cho hoạt động quy hoạch. Qua xem xét, Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Thông tư số 21/2023/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định./.

Đính kèm: Thông tư số 21/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và tài liệu liên quan (gửi qua Văn phòng điện tử). *AL*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, P.TH (H).

18

**TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Lý Hoàng Chiêu

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21 /2023/TT-BKHĐT

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2023

THÔNG TƯ

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT
ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
hướng dẫn về định mức cho hoạt động quy hoạch**

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Chiến lược phát triển;

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về định mức cho hoạt động quy hoạch.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về định mức cho hoạt động quy hoạch

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 như sau:

“2. Định mức cho quy hoạch mạng lưới kết cấu hạ tầng xã hội (trong đó bao gồm kết cấu hạ tầng quốc phòng, an ninh) được xác định trên cơ sở quy hoạch ngành chuẩn cho lĩnh vực xã hội; quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được xác định trên cơ sở vùng chuẩn, tỉnh chuẩn. Định mức cho từng ngành, lĩnh vực kết cấu hạ tầng xã hội, từng vùng và từng tỉnh cụ thể được điều chỉnh theo hướng dẫn tại Phụ lục I của Thông tư này.”.

2. Sửa đổi tiêu đề khoản 2 và bổ sung các điểm a, b vào sau khoản 2 Điều 7 như sau:

a) Sửa đổi tiêu đề khoản 2 Điều 7 như sau:

“2. Định mức cho phản biện của hoạt động thẩm định bao gồm:”

b) Bổ sung các điểm a, b vào sau khoản 2 Điều 7 như sau:

“a. Định mức cho hoạt động phản biện quy hoạch của 01 chuyên gia trong Hội đồng thẩm định được quy định tại Phụ lục VII.

b. Định mức cho hoạt động phản biện Báo cáo đánh giá môi trường Chiến lược của 01 chuyên gia trong Hội đồng thẩm định được quy định tại Phụ lục VII.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Định mức cho hoạt động đánh giá môi trường chiến lược

Định mức cho hoạt động đánh giá môi trường chiến lược đối với các quy hoạch phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược được thực hiện theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Riêng Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia và Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản không phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược”.

4. Sửa đổi, bổ sung nội dung lưu ý mục 2 và tiểu mục 3.1 mục 3 Phụ lục I như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung nội dung lưu ý mục 2 Phụ lục I như sau:

“**Lưu ý:** Quy mô dân số vùng là dân số trung bình, trước thời điểm lập quy hoạch, theo Niên giám Thống kê (do Tổng cục Thống kê phát hành) gần nhất; đơn vị tính dân số vùng là nghìn người (1.000 người); đơn vị tính diện tích vùng là km²; đơn vị tính tổng sản phẩm là tỷ đồng”.

b) Sửa đổi, bổ sung nội dung lưu ý tiểu mục 3.1 mục 3 Phụ lục I như sau:

“**Lưu ý:** Quy mô dân số tỉnh là dân số trung bình, trước thời điểm lập quy hoạch, theo Niên giám Thống kê (do Tổng cục Thống kê phát hành) gần nhất; đơn vị tính dân số tỉnh là nghìn người (1.000 người); đơn vị tính diện tích tỉnh là km²; đơn vị tính tổng sản phẩm là tỷ đồng”.

5. Bổ sung tiểu mục e mục 5 phần B và sửa đổi, bổ sung tiểu mục e mục 12 phần B Phụ lục III như sau:

a) Bổ sung tiểu mục e mục 5 phần B như sau:

“e. Xác định những vấn đề trọng tâm cần giải quyết và các khâu đột phá của quốc gia trong thời kỳ quy hoạch; mức chuyên gia: CG1, CG2, CG3; ngày công quy đổi: 250.”.

b) Sửa đổi, bổ sung tiểu mục e mục 12 phần B như sau:

“e. Phân bố và tổ chức không gian cơ sở giáo dục nghề nghiệp”.

6. Bổ sung nội dung ghi chú Phụ lục VI-1.7 như sau:

“**Ghi chú:** Định mức Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi tại Thông tư này không bao gồm công tác khảo sát kỹ thuật (địa hình, thủy văn, địa chất,

chất lượng nước); không bao gồm nội dung tính toán các mô hình (mô hình toán, mô hình vật lý) liên quan đến thủy văn, thủy lực, cân bằng nước nhằm phục vụ tính toán, đề xuất giải pháp quy hoạch. Các công tác này được xác định theo khối lượng công việc và định mức chuyên ngành tương ứng”.

7. Sửa đổi, bổ sung điểm a.1 tiểu mục a mục 2 phần A, tiểu mục b mục 9 phần B và bổ sung tiểu mục e mục 10 phần B Phụ lục VII như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a.1 tiểu mục a mục 2 phần A như sau:

Điều chỉnh ngày công quy đổi là 02 ngày công.

b) Sửa đổi, bổ sung tiểu mục b mục 9 phần B như sau:

Điều chỉnh ngày công quy đổi là 256 ngày công.

c) Bổ sung tiểu mục e mục 10 phần B Phụ lục VII như sau:

“e. Phương hướng phát triển hệ thống đề điều, kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai trên lãnh thổ vùng; mức chuyên gia: CG2, CG3, CG4; ngày công quy đổi: 97 ngày công”.

8. Sửa đổi, bổ sung điểm a.1 tiểu mục a mục 2; bổ sung CG3 vào mục 3 và CG2 vào mục 4, phần A; bổ sung tiểu mục h, i mục 7 phần B Phụ lục VIII như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a.1 tiểu mục a mục 2 phần A như sau:

Điều chỉnh ngày công quy đổi là 02 ngày công.

b) Bổ sung CG3 vào mục 3 và CG2 vào mục 4 phần A.

c) Bổ sung tiểu mục h, i mục 7 phần B như sau:

“h. Phương án Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy, mức chuyên gia: CG1, CG2, CG3, ngày công quy đổi: 75;

i. Phương án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã trong kỳ quy hoạch”; mức chuyên gia: CG1, CG2, CG3; ngày công quy đổi: 75.”

9. Sửa đổi tên mục 19 Phụ lục III, mục 12 Phụ lục IV, mục 8 Phụ lục V, mục 13 Phụ lục VI-1.1, mục 12 Phụ lục VI-1.2, mục 13 Phụ lục VI-1.3, mục 13 Phụ lục VI-1.4, mục 12 Phụ lục VI-1.5, mục 13 Phụ lục VI-1.6, mục 10 Phụ lục VI-1.7, mục 12 Phụ lục VI-1.8, mục 10 Phụ lục VI-1.9, mục 12 Phụ lục VI-1.10, mục 10 Phụ lục VI-2, mục 11 Phụ lục VI-4.1, mục 10 Phụ lục VI-4.2, mục 11 phần B Phụ lục VI-4.3, mục 8 Phụ lục VI-4.5, mục 8 Phụ lục VI-4.6, mục 9 Phụ lục 4.7, mục 8 Phụ lục VI-4.8, mục 8 Phụ lục VI-5, mục 8 Phụ lục VI-6 như sau:

“Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in”.

10. Sửa đổi tên mục 10 Phụ lục VI-4.4 như sau:

“Sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in tỷ lệ 1:50.000 – 1:500.000”.

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số phụ lục, từ, cụm từ, khoản, điều của Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT

1. Bỏ cụm từ “mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội và hệ thống xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng” tại tiểu mục e mục 12 phần B Phụ lục III.

2. Bỏ tiểu mục đ, e tại mục 10 Phụ lục VI-1.9.

3. Bỏ mục 11 phần B Phụ lục VI-4.2.

4. Bỏ mục 9 phần B Phụ lục VI-6.

3. Thay thế các điểm trong tiểu mục b mục 19 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT tương ứng bằng Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Thay thế tiểu mục b mục 12 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT tương ứng bằng Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Thay thế tiểu mục b mục 8 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT tương ứng bằng Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Thay thế tiểu mục b mục 13 Phụ lục VI-1.1, tiểu mục b mục 12 Phụ lục VI-1.2, tiểu mục b mục 13 Phụ lục VI-1.3, tiểu mục b mục 13 Phụ lục VI-1.4, tiểu mục b mục 12 Phụ lục VI-1.5, tiểu mục b mục 13 Phụ lục VI-1.6, tiểu mục b mục 10 Phụ lục VI-1.7, tiểu mục b mục 12 Phụ lục VI-1.8, tiểu mục b mục 10 Phụ lục VI-1.9, tiểu mục b mục 12 Phụ lục VI-1.10, tiểu mục b mục 10 Phụ lục VI-2, tiểu mục b mục 11 Phụ lục VI-4.1, tiểu mục b mục 10 Phụ lục VI-4.2, mục 11 Phụ lục VI-4.3, mục 10 Phụ lục VI-4.4, tiểu mục b mục 8 Phụ lục VI-4.5, tiểu mục b mục 8 Phụ lục VI-4.6, tiểu mục b mục 9 Phụ lục 4.7, tiểu mục b mục 8 Phụ lục VI-4.8, tiểu mục b mục 8 Phụ lục VI-5, tiểu mục b mục 8 Phụ lục VI-6 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT tương ứng bằng Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Thay thế tiểu mục b mục 14 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT tương ứng bằng Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Thay thế tiểu mục b mục 16 Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT tương ứng bằng Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

9. Thay thế Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT tương ứng bằng Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Định mức cho các nội dung quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng, quy hoạch quốc gia đã được phê duyệt dự toán trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì không phải thực hiện theo quy định của Thông tư này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực

hiện theo văn bản quy phạm pháp luật mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề phát sinh, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cơ quan Trung ương các Hội, Đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ, Cổng TTĐT Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT, Vụ PC, Vụ QLQH, Viện CLPT.

